

Số: /KH-UBND

Bắc Yên, ngày tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn huyện đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 31/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân huyện Bắc Yên ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn huyện đến năm 2030, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020.

2. Yêu cầu

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa vai trò của công tác kế hoạch hóa gia đình trong việc giảm sinh để đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn huyện; tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng; giảm mang thai ngoài ý muốn nhất là vị thành niên.

- Phân tích thực trạng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn huyện, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn để làm cơ sở đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp can thiệp phù hợp, đồng thời bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020.

II. SỰ CẦN THIẾT

1. Thực trạng

Kế hoạch hóa gia đình là nỗ lực của nhà nước, xã hội để mỗi cá nhân, vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm bảo vệ sức khỏe, nuôi dạy con có trách nhiệm, phù hợp với chuẩn mực xã hội và điều kiện sống của gia đình. Như vậy, kế hoạch hóa gia đình không chỉ giúp người dân chủ động sinh con, tránh có thai ngoài ý muốn mà còn giúp giảm phá thai, giảm vô sinh, giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ, trẻ em có liên quan đến thai sản, cải thiện sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Trong những năm qua, công tác Dân số - KHHGD đã đạt được nhiều kết quả, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội và xóa đói giảm nghèo của huyện, cụ thể là: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,54% (năm 2015), tăng lên 1,8% (năm 2020), Tỷ suất sinh thô từ 20‰ (năm 2015) giảm xuống 19,7‰ (năm 2020); Tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của 1 phụ nữ) 2,21 con (năm 2015) giảm còn 2,14 con (năm 2020); Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai (BPTT) là yếu tố quan trọng để giảm mức sinh tiến tới đạt mức sinh thay thế. Tỷ lệ này mỗi năm tăng bình quân 0,1%, tỷ lệ sử dụng các BPTT đạt 70 % (năm 2015) tăng lên 75% năm 2020;

Tuy nhiên, Chương trình kế hoạch hóa gia đình huyện đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn đó là: Mức sinh hàng năm của huyện có xu hướng tăng, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm ít, qui mô dân số của huyện tiếp tục tăng; mức sinh cao, tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên còn cao (năm 2017: 15,6%, năm 2020: 14%); Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai chưa bảo đảm vững chắc để tiến tới đạt mức sinh thay thế, Số phụ nữ 15-49 tuổi có chồng không áp dụng các biện pháp tránh thai còn lớn là 25%; Số phụ nữ mang thai, sinh con ở độ tuổi 10-17 tuổi chiếm 18%;

Và như vậy, nhu cầu cung cấp, cung ứng phương tiện tránh thai trong thời gian tới còn cao, đặc biệt là nhóm vị thành niên, thanh niên, ảnh hưởng đến việc cải thiện sức khỏe bà mẹ, trẻ em và hạnh phúc gia đình.

Bên cạnh đó, việc tiếp thị xã hội, xã hội hóa phương tiện tránh thai, hàng hóa sức khỏe sinh sản và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đã triển khai thực hiện tại một số vùng thuận lợi trên địa bàn huyện, nhưng việc triển khai thực hiện còn nhiều khó khăn, số lượng và địa bàn, quy mô bao phủ chưa tương xứng với tiềm năng của Chương trình cung ứng phương tiện tránh thai, hàng hóa sức khỏe sinh sản và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; Tư tưởng bao cấp về phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của người dân vẫn còn nặng nề.

2. Đánh giá

2.1. Ưu điểm

Trong thời gian qua, huyện Bắc Yên luôn nhận được sự quan tâm của các cấp ưu tiên, hỗ trợ cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách để đảm bảo tính công bằng trong tiếp cận dịch vụ KHHGD, cải thiện chất lượng dân số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng mức sinh cao trên địa bàn huyện.

Công tác kế hoạch hoá gia đình của huyện đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc phát triển kinh tế và an sinh xã hội. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch giảm sinh trên cơ sở tăng tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại, đáp ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản kế hoạch hoá gia đình,

Cung cấp miễn phí các phương tiện tránh thai cho các đối tượng nghèo, cận nghèo, các đối tượng chính sách, người đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kinh tế khó khăn được quan tâm, ưu tiên; đồng thời tại khu vực Thành thị, nông thôn phát triển đã được Nhà nước có chính sách hỗ trợ triển khai tiếp thị xã hội, xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình sức khỏe sinh sản và duy trì

trong nhiều năm qua, hầu hết người dân khi tiếp cận dịch vụ KHHGD đều hài lòng với chất lượng dịch vụ.

Hàng năm đã tổ chức các đợt chiến dịch tuyên truyền vận động lồng ghép với dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản KHHGD tới 7-8 xã khó khăn, xã có mức sinh cao của huyện góp phần giảm tỷ lệ viêm nhiễm đường sinh sản, giảm tỷ lệ phụ nữ mắc phụ khoa, giảm tỷ lệ có thai ngoài ý muốn và tăng số người chấp nhận sử dụng biện pháp tránh thai.

Hầu hết các cán bộ cung cấp dịch vụ KHHGD tại các cơ sở y tế đều được tiếp cận và được hướng dẫn sử dụng tài liệu “*Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản*” theo quy định của Bộ Y tế. Đối với các BPTT lâm sàng, hiện tại ở các cơ sở y tế có cán bộ trực tiếp tiêm thuốc tránh thai, 01 đơn vị thực hiện kỹ thuật cấy que tránh thai, Tỷ lệ Trạm Y tế xã được trang bị cán bộ thực hiện kỹ thuật đặt, tháo dụng cụ tử cung đạt 81,3%.

2.2. Tồn tại, hạn chế

Hệ thống mạng lưới Dân số trong những năm vừa qua biến đổi mạnh, Trung tâm Dân số-KHHGD sáp nhập vào Trung tâm Y tế thành Phòng Dân số Truyền thông, nhân lực giảm, thay đổi, kiêm nhiệm nhiều nội dung công việc dẫn đến việc đề xuất, tham mưu cho các cấp ủy chính quyền bị hạn chế. Cộng tác viên dân số kiêm y tế bản phụ trách quy mô số hộ lớn, một số cộng tác viên dân số giảm sự nhiệt tình, một số nghỉ việc. Đội ngũ cộng tác viên mới (thay thế bởi y tế bản) chưa được đào tạo, cập nhật về công tác Dân số, do vậy, kiến thức, kỹ năng tư vấn và triển khai các hoạt động về công tác dân số chưa đáp ứng yêu cầu.

Nhu cầu dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của người dân ngày càng nhiều và đa dạng và yêu cầu chất lượng dịch vụ KHHGD ngày càng cao.

Cơ sở vật chất của các cơ sở y tế tuy đã được nâng cấp, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp dịch vụ KHHGD chất lượng cao. Trang thiết bị, dụng cụ y tế dành cho việc cung cấp dịch vụ KHHGD, phương tiện tránh thai còn thiếu.

Công tác đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức nâng cao năng lực người thực hiện dịch vụ KHHGD còn hạn chế.

Xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình còn chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Hiện nay, nhà nước chỉ hỗ trợ PTTT và dịch vụ KHHGD cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách chiếm khoảng 1/3 tổng nhu cầu, còn lại khách hàng phải tự chi trả chi phí KHHGD, trong khi thói quen, tư tưởng được bao cấp về phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của người dân khó thay đổi.

Khả năng tiếp cận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở những địa bàn khó khăn và có mức sinh cao còn hạn chế tác động tiêu cực đến việc cải thiện sức khỏe bà mẹ, trẻ em và chất lượng cuộc sống của người dân.

Từ thực trạng những kết quả đạt được, khó khăn, tồn tại nêu trên cho thấy phải thực hiện củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời

gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm bảo vệ sức khỏe, nuôi dạy con có trách nhiệm, phù hợp với chuẩn mực xã hội và điều kiện sống của gia đình; giúp giảm tình trạng phá thai, giảm vô sinh, giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ, trẻ em có liên quan đến thai sản, cải thiện sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

III. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030”;

- Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt “Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030”;

- Quyết định số 1347/QĐ-BYT ngày 22/02/2021 của Bộ Y tế, quyết định ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;

- Công văn số 7257/BYT-TCDS ngày 25/12/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn, thuận tiện, có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. 80% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng.

2.2. Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 40% năm 2025, đạt 50% năm 2030 và giảm 2/3 số vị thành viên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

2.3. 70% cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực ngoài công lập vào năm 2025, đạt 90 % năm 2030.

2.4. Trên 95% cấp xã tiếp tục triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế bản, tiểu khu vào năm 2025, đạt 100% năm 2030.

2.5. 75% Trạm y tế thuộc vùng mức sinh cao đủ khả năng cung cấp các biện pháp tránh thai theo quy định vào năm 2025, đạt 95% năm 2030.

2.6. Trên 95% cấp xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai; hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên vào năm 2025 và đến năm 2030.

V. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, chú trọng vị thành niên, thanh niên.

- Đối tượng tác động: người dân trong toàn xã hội; ban ngành đoàn thể; cán bộ y tế, dân số; tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

2. Phạm vi: Thực hiện trong phạm vi toàn huyện Bắc Yên.

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách; quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số quy định để thúc đẩy khả năng tiếp cận dịch vụ cung ứng phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh của người dân.

- Ban hành Kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Phổ biến, thúc đẩy áp dụng các kỹ thuật mới, hiện đại đã được phép thực hiện ở huyện.

2. Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

2.1. Cung cấp thông tin, vận động cấp ủy, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ nguồn lực. Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

2.2. Đa dạng hóa các loại hình truyền thông, chú trọng kênh thông tin đại chúng; các sản phẩm truyền thông phù hợp với từng vùng của địa phương. Tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại, internet, mạng xã hội trong tuyên truyền, vận động về kế hoạch hóa gia đình; lồng ghép với các hoạt động truyền thông của các Chương trình, Đề án khác.

- Mở rộng các hình thức truyền thông hiện đại để cung cấp thông tin, tư vấn về phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình qua internet, trang tin điện tử, mạng xã hội và các phương tiện truyền tin khác.

- Hướng dẫn tổ chức tuyên truyền, truyền thông về phương tiện tránh thai, thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lồng ghép với các hoạt động truyền thông của các chương trình khác của địa phương.

2.3. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

- Phổ biến, hướng dẫn áp dụng chương trình và tài liệu giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2.4. Tăng cường tư vấn sử dụng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có chất lượng. Tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình các xã, thị trấn; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; ưu tiên cho vùng mức sinh cao.

- Tổ chức tập huấn cập nhật kiến thức chuyên môn cho cán bộ cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng và cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

- Mở rộng các hình thức cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Củng cố nâng cao chất lượng hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (LMIS).

- Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về thực hiện cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, phương tiện tránh thai tại các cơ sở y tế trong huyện.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình

- Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình; huy động toàn bộ hệ thống y tế, dân số tham gia thực hiện chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn để huy động nguồn lực, tăng cường hiệu lực hiệu quả đầu tư.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả đề án xã hội hóa phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh sản đến năm 2030 theo Quyết định số 718/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí: Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh Sơn La được cấp cho Sở Y tế và các nguồn kinh phí hợp pháp

Tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2021- 2030: **200.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn*), trong đó:

Giai đoạn 2021-2025: **95.000.000 đồng**.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Y tế huyện

- Chủ trì triển khai các nội dung của kế hoạch; Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan rà soát, bổ sung, triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì thực hiện sơ kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện vào năm 2025, tổng kết vào năm 2030.

2. Phòng Tài chính- Kế hoạch

Tham mưu cho UBND huyện hướng dẫn các đơn vị sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí được cấp đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế và các cơ quan, ban, ngành liên quan đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi theo định hướng của Kế hoạch.

4. Phòng Văn hóa Thông tin, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế tăng cường đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về kế hoạch hóa gia đình.

5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 của địa phương; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án khác có liên quan ở địa phương.

- Thực hiện theo thẩm quyền về hỗ trợ, khuyến khích thực hiện kế hoạch hóa gia đình; cân đối bố trí kinh phí thực hiện phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch của địa phương; tổ chức sơ kết vào năm 2025, tổng kết vào năm 2030.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, và các đoàn thể huyện: trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch này; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong tổ chức mình; giám sát việc thực hiện các hoạt động “ Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030” trên địa bàn huyện.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn huyện đến năm 2030. Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (Chi cục Dân số - KHHGĐ);
- Thường trực huyện ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, đoàn thể huyện;
- Trung tâm y tế;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Thào A Mua